

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc chấp thuận phương án vay lại và trả nợ vốn vay ODA  
dự án sử dụng vốn dư của dự án “Nâng cấp hạ tầng thủy lợi  
huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định” vay vốn Quỹ Cô-ôét**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH  
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng quy trình, thủ tục như quy định tại Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ trong phê duyệt danh mục và phê duyệt văn kiện đối với hai dự án vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sử dụng vốn dư của

Dự án “Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định” vay vốn Quỹ Cô-ôét;

Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận phương án vay lại và trả nợ vốn vay ODA dự án sử dụng vốn dư của dự án “Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định” vay vốn Quỹ Cô-ôét; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận phương án vay lại và trả nợ vốn vay ODA dự án sử dụng vốn dư của dự án “Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định” vay vốn Quỹ Cô-ôét với nội dung chính như sau:

1. Giá trị khoản vốn vay lại: 201.779 Dinar (tương đương 15,404 tỷ đồng theo tỷ giá tạm áp dụng: 1 KWD = 76.340,95 VNĐ).

2. Đồng tiền vay lại: Dinar Kuwait (KWD).

3. Thời gian vay và trả nợ: 20 năm.

4. Lãi suất vay: 2%/năm bằng KWD.

5. Phí dịch vụ 0,5%/năm bằng KWD.

6. Phương án trả nợ vốn vay:

- Về lãi suất khoản vay: Lãi suất khoản vay được tính toán hàng năm và ngân sách tỉnh sẽ cân đối, bố trí chi trả theo lịch trả nợ.

- Về trả nợ gốc: Vốn sẽ được trả dần hàng năm từ 15/3/2021-15/9/2040 và được chia thành 40 kỳ trả nợ; mỗi năm trả 02 (hai) lần vào ngày 15/3 và 15/9 hàng năm.

- Nguồn vốn trả nợ: Từ nguồn ngân sách địa phương.

*(Chi tiết theo biểu đính kèm)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, chỉ đạo chủ đầu tư, các sở, ngành liên quan thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khoá XVIII, kỳ họp thứ mười hai (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 2;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Nam Định;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



**Trần Văn Chung**

**PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ VỐN VAY DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN DƯ CỦA DỰ ÁN**  
**"NÂNG CẤP HẠ TẦNG THỦY LỢI HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH" VAY VỐN QUỸ CÔ - OÉT**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

Đơn vị: KWD

Năm	Ngày	Giải ngân (phần vay lại)	Dư nợ	Tỷ lệ trả nợ gốc	Trả nợ gốc	Lãi suất	Trả lãi	Phí dịch vụ	Trả phí dịch vụ	Tổng trả nợ theo kỳ	
										Theo nguyên tệ (KWD)	Quy đổi VNĐ (Triệu đồng)
2021	15/03		201.779	2,5%	5.044	2,0%	2.018	0,5%	504	7.567	578
	15/09		196.735	2,5%	5.044	2,0%	1.967	0,5%	492	7.504	573
2022	15/03		191.690	2,5%	5.044	2,0%	1.917	0,5%	479	7.441	568
	15/09		186.646	2,5%	5.044	2,0%	1.866	0,5%	467	7.378	563
2023	15/03		181.601	2,5%	5.044	2,0%	1.816	0,5%	454	7.314	558
	15/09		176.557	2,5%	5.044	2,0%	1.766	0,5%	441	7.251	554
2024	15/03		171.512	2,5%	5.044	2,0%	1.715	0,5%	429	7.188	549
	15/09		166.468	2,5%	5.044	2,0%	1.665	0,5%	416	7.125	544
2025	15/03		161.423	2,5%	5.044	2,0%	1.614	0,5%	404	7.062	539
	15/09		156.379	2,5%	5.044	2,0%	1.564	0,5%	391	6.999	534
2026	15/03		151.334	2,5%	5.044	2,0%	1.513	0,5%	378	6.936	530
	15/09		146.290	2,5%	5.044	2,0%	1.463	0,5%	366	6.873	525
2027	15/03		141.245	2,5%	5.044	2,0%	1.412	0,5%	353	6.810	520
	15/09		136.201	2,5%	5.044	2,0%	1.362	0,5%	341	6.747	515
2028	15/03		131.156	2,5%	5.044	2,0%	1.312	0,5%	328	6.684	510
	15/09		126.112	2,5%	5.044	2,0%	1.261	0,5%	315	6.621	505
2029	15/03		121.067	2,5%	5.044	2,0%	1.211	0,5%	303	6.558	501
	15/09		116.023	2,5%	5.044	2,0%	1.160	0,5%	290	6.495	496
2030	15/03		110.978	2,5%	5.044	2,0%	1.110	0,5%	277	6.432	491
	15/09		105.934	2,5%	5.044	2,0%	1.059	0,5%	265	6.369	486
2031	15/03		100.890	2,5%	5.044	2,0%	1.009	0,5%	252	6.306	481
	15/09		95.845	2,5%	5.044	2,0%	958	0,5%	240	6.243	477
2032	15/03		90.801	2,5%	5.044	2,0%	908	0,5%	227	6.179	472
	15/09		85.756	2,5%	5.044	2,0%	858	0,5%	214	6.116	467



Năm	Ngày	Giải ngân (phần vay lại)	Dư nợ	Tỷ lệ trả nợ gốc	Trả nợ gốc	Lãi suất	Trả lãi	Phí dịch vụ	Trả phí dịch vụ	Tổng trả nợ theo kỳ	
										Theo nguyên tệ (KWD)	Quy đổi VNĐ (Triệu đồng)
2033	15/03		80.712	2,5%	5.044	2,0%	807	0,5%	202	6.053	462
	15/09		75.667	2,5%	5.044	2,0%	757	0,5%	189	5.990	457
2034	15/03		70.623	2,5%	5.044	2,0%	706	0,5%	177	5.927	452
	15/09		65.578	2,5%	5.044	2,0%	656	0,5%	164	5.864	448
2035	15/03		60.534	2,5%	5.044	2,0%	605	0,5%	151	5.801	443
	15/09		55.489	2,5%	5.044	2,0%	555	0,5%	139	5.738	438
2036	15/03		50.445	2,5%	5.044	2,0%	504	0,5%	126	5.675	433
	15/09		45.400	2,5%	5.044	2,0%	454	0,5%	114	5.612	428
2037	15/03		40.356	2,5%	5.044	2,0%	404	0,5%	101	5.549	424
	15/09		35.311	2,5%	5.044	2,0%	353	0,5%	88	5.486	419
2038	15/03		30.267	2,5%	5.044	2,0%	303	0,5%	76	5.423	414
	15/09		25.222	2,5%	5.044	2,0%	252	0,5%	63	5.360	409
2039	15/03		20.178	2,5%	5.044	2,0%	202	0,5%	50	5.297	404
	15/09		15.133	2,5%	5.044	2,0%	151	0,5%	38	5.234	400
2040	15/03		10.089	2,5%	5.044	2,0%	101	0,5%	25	5.171	395
	15/09		5.044	2,5%	5.044	2,0%	50	0,5%	13	5.108	390
TỔNG TOÀN BỘ					201.779		41.365		10.341	253.485	19.351

Lưu ý: Tạm thời áp dụng theo tỷ giá tại thời điểm báo cáo: 1 KWD = 76.340,95 VND